**Phụ lục I**

**CÁC BIỂU MẪU THAY THẾ CÁC BIỂU MẪU**

**CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2017/NĐ-CP**

*(Kèm theo Nghị định số 34 /2025/NĐ-CP*

*ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải.

2. Mẫu số 02: Đơn đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Mẫu số 06: Đơn đề nghị công bố bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước/Đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm.

4. Mẫu số 07: Quyết định về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước/Đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm.

5. Mẫu số 18: Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải.

6. Mẫu số 19: Thông báo hàng hải về thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải.

7. Mẫu số 20: Thông báo hàng hải về tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải.

8. Mẫu số 21: Thông báo hàng hải về phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải.

9. Mẫu số 22: Thông báo hàng hải về chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải.

10. Mẫu số 23: Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải.

11. Mẫu số 24: Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.

12. Mẫu số 25: Thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện.

13. Mẫu số 26: Thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải.

14. Mẫu số 27: Thông báo hàng hải về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải.

15. Mẫu số 28: Thông báo hàng hải về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải.

16. Mẫu số 29: Thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải.

17. Mẫu số 30: Thông báo hàng hải về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam.

18. Mẫu số 34: Bản khai người trốn trên tàu.

19. Mẫu số 35: Đơn đề nghị cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

20. Mẫu số 39: Đơn đề nghị cho phép tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu vận chuyển chất phóng xạ đến cảng biển.

21. Mẫu số 40: Đơn đề nghị cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù.

22. Mẫu số 46: Kế hoạch điều động tàu thuyền vào cảng.

23. Mẫu số 49: Bản khai hàng hóa nguy hiểm.

24. Mẫu số 50: Bản khai dự trữ của tàu.

25. Mẫu số 51: Bản khai hành lý thuyền viên, hành khách.

26. Mẫu số 59: Bản khai chung (cho phương tiện thủy nội địa).

27. Mẫu số 61: Danh sách hành khách (cho phương tiện thủy nội địa).

28. Mẫu số 62: Giấy phép vào/rời cảng biển (cho phương tiện thủy nội địa).

**Mẫu số 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *……., ngày … tháng … năm …* | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  **Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết** **cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.  Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………………….  Người đại diện theo pháp luật: ……………………………………………………..  Đăng ký kinh doanh: ………….. ngày …… tháng ….. năm ….. tại ………………  Địa chỉ: ……………………………………………………………………………..  Số điện thoại liên hệ: ………………………………………………............................  Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải theo quy định, với các thông tin dưới đây:  1. Tên dự án: ……………………………………………………………………….  2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng: ……………………………………………………  3. Vị trí: ……………….………………………………………….............................  4. Loại tàu biển giới hạn vào cảng biển, bến cảng, cầu cảng,bến phao, luồng hàng hải:………………………………………………………..…………….............................  5. Thông số kỹ thuật của cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, luồng hàng hải:…………………………………………………………………………………………  6. Công suất thông qua của Cảng:…………………………………………………...  7. Tổng diện tích dự kiến xây dựng: ………………………………………………..  8. Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có): ……………………………………………  Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, trả lời. | | |
|  | | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ /DOANH NGHIỆP CẢNG**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: ............. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *......, ngày .....tháng .....năm ..* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi:.....................(1)......................

Tên chủ đầu tư/Doanh nghiệp cảng:.....................................................................

Người đại diện theo pháp luật:..............................................................................

Đăng ký kinh doanh:.............................................................................................

Địa chỉ:.................................................................................................................

Số điện thoại liên hệ:............................................................................................

Đề nghị ........................(1)...........................xem xét, phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải, với các thông tin dưới đây:

**Trường hợp tiến hành xây dựng, thi công các cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước**

1. Tên công trình:.........................................................................................................

2. Vị trí xây dựng công trình: ........................................................................................

3. Thời gian thực hiện: ..................................................................................................

4. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có):.............................

5. Văn bản kèm theo: ....................................................................................................

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định xây dựng công trình;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình;

- Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

**Trường hợp bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố**

1. Tên bến cảng, cầu cảng:.............................................................................................

2. Vị trí bến cảng, cầu cảng: .............................................................................................

3. Thông số kỹ thuật (trọng tải, kích thước, lượng giãn nước) của tàu biển: ................

4. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có):.............................

5. Văn bản kèm theo: ....................................................................................................

- Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

- Bản chính Hồ sơ đánh giá kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng đáp ứng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

Kính đề nghị .....................(1)................... xem xét, giải quyết.

**CHỦ ĐẦU TƯ/DOANH NGHIỆP CẢNG**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Tên của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số:……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……., ngày … tháng .… năm .…..* |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  **Công bố bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước/**  **Đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm**  ***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***  Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.  Tên doanh nghiệp: …………………………………………………………………….  Người đại diện theo pháp luật:  Đăng ký kinh doanh: ……….…….. ngày …… tháng ….. năm ….. tại  Địa chỉ:  Số điện thoại liên hệ:  Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục công bố bến càng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước (công trình) vào sử dụng/đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm theo quy định, với các thông tin dưới đây:  1. Tên công trình:  2. Vị trí công trình:  3. Vùng đón trả hoa tiêu:  4. Loại tàu biển:  5. Lượng giãn nước tối đa của tàu thuyền:………………….………………………..………  6. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào hoạt động:  7. Số Thông báo hàng hải:  8. Số Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển:………………………………………………..  9. Thời hạn khai thác: (đối với trường hợp đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm)  10. Văn bản kèm theo:  Tài liệu liên quan khác.  Doanh nghiệp cam kết tự chịu trách nhiệm về độ bền, độ ổn định, an toàn của cầu cảng cho tàu neo cập, làm hàng và tổ chức khai thác cầu cảng đảm bảo an toàn, đúng quy định, chịu mọi trách nhiệm trong quá trình tiếp nhận tàu vào cầu cảng nếu xảy ra sự cố (đối với trường hợp đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm).  Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận.   |  |  | | --- | --- | | ***Ghi chú:***Đối với khu nước, vùng nước, công trình chỉ phục vụ việc đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, tránh trú bão hay neo đậu tàu thuyền để chờ vào cảng, bến cảng, cầu cảng, neo đậu tàu công vụ, không thực hiện chuyển tải bốc xếp hàng hóa không phải khai thông tin tại mục số 7. | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | | |

**Mẫu số 07**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số:……. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……., ngày … tháng … năm …* | |
| **QUYẾT ĐỊNH**  **Về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước/**  **Đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm**  ***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***  **CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  *Căn cứ*  *Căn cứ*  *Theo đề nghị của*  **QUYẾT ĐỊNH:**  **Điều 1.** Công bố mở/đưa vào khai thác tạm ………… thuộc ……….. để tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước ra vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan, cụ thể như sau:  1. Tên công trình:  2. Vị trí công trình:  3. Khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải:  4. Loại tàu thuyền:  5. Lượng giãn nước tối đa của tàu thuyền:  6. Thời hạn khai thác (đối với trường hợp đưa bến cảng vào khai thác tạm):  **Điều 2.** Cảng vụ hàng hải ……………… có trách nhiệm sau đây:  1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại …………. và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật.  2. Căn cứ điều kiện thực tế, giới hạn độ sâu vùng nước trước cầu cảng, luồng cảng biển và các quy định của pháp luật có liên quan để cho phép tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với thiết kế cầu cảng ra vào bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.  **Điều 3.** Chủ đầu tư căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện khai thác cầu cảng để tổ chức khai thác cầu cảng …………. đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật.  **Điều 4.** Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại …………………………………………………….  **Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực …………………, kể từ ngày……………..  **Điều 6.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải ……………….., Giám đốc Cảng …………………., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. | | |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 6; - Bộ Giao thông vận tải;  - ….;  - Tổng cục Hải quan; - Bộ đội Biên phòng tỉnh...; - Cục Hải quan ….; - Kiểm dịch Y tế ….; - Kiểm dịch ĐTV ...; - Các phòng: ………. - Lưu: VT, ……..(3b) | | **CỤC TRƯỞNG** |

**Mẫu số 18**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: ……/TBHH-…… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày … tháng … năm ……* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc thiết lập mới ………….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………………………..………………………………………………

Tên luồng: …………………………..………………..……………………… (nếu có)

Tên báo hiệu: …………………..……………………………...………………………

Căn cứ ………………..………………………………………………………………..

Cảng vụ Hàng hải…………………… thông báo thiết lập mới ……… với các đặc tính như sau:

- Vị trí .....…………………..………………………………………………………….

- Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

- Tác dụng: ……..………………………………………………………………

**1. Báo hiệu thị giác**

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng: ……………...…………………………………………………………….

- Màu sắc: ……………………….………………………………………

- Dấu hiệu đỉnh: ……………………………………………………… (nếu có).

- Số hiệu (Chữ hiệu): ………………………………………………… (nếu có).

- Chiều cao toàn bộ: ……………………………….. m, tính đến ………

- Chiều cao công trình: ... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định).

- Chiều rộng trung bình: ... m (dành riêng cho báo hiệu cố định).

- Tầm nhìn địa lý: …………………… hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng ………………………………………………..m.

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng: ……………………………………………………………………

- Phạm vi chiếu sáng: ………………………………………………………………

- Chiều cao tâm sáng: ……………..…………. m, tính đến …………………………

- Tầm hiệu lực ánh sáng: ... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74

**2. Báo hiệu vô tuyến điện:**

a) Racon:

- Dải tần hoạt động: …………........………………………………………………….

- Mã tín hiệu nhận dạng: ………………………...........………………………………

- Chu kỳ hoạt động: ……….........…………………………………………………….

- Tầm hiệu lực: ………. hải lý với radar có công suất phát …… kW, chiều cao ăng ten radar................................................. m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS:  ……….............………………………………………

- Dải tần hoạt động: ……………..........………………………………………

- Số nhận dạng (MMSI): ……………..........…………………………………

- Tần suất phát thông tin: ………………...........………………………………

- Tầm hiệu lực: ………………………..........…………………………………

- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải: ………………………………....

**3. Báo hiệu âm thanh**

- Cường độ phát âm: ………...........…………………………………………………

- Tần số phát âm: ....…………………………………………..

- Mã tín hiệu phát âm: ……………..........………………………

- Chu kỳ phát âm: …………………….........……………………

- Tầm hiệu lực âm phát: ……………..……………. hải lý với tốc độ gió cấp 1.

***Ghi chú:***

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

…………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | …………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 19**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: … /TBHH-…………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *… …., ngày … tháng …. năm …..* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc thay đổi ………….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………………………..………………………………………………

Tên luồng: ………………………………………………………………………… (nếu có)

Tên báo hiệu: …………………………………………………...………………………

Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

Căn cứ ……………………………………………………………………………………….

Cảng vụ Hàng hải …………………………. thông báo thay đổi: ……………… .. như sau:

- Vị trí: ……………………………………………………………………………………..

- Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

- Tác dụng: …………………………………………………………………………………

**1. Báo hiệu thị giác**

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng: ………………………….………………………………………………………

- Màu sắc: ……………………………………………………………………………………

- Dấu hiệu đỉnh:……………………………………………………………………. (nếu có).

- Số hiệu (Chữ hiệu): ………………...……………………………….(nếu có).

- Chiều cao toàn bộ: ……………………. m, tính đến …………………………………….

- Chiều cao công trình: ... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định).

- Chiều rộng trung bình: ……………………… m (dành riêng cho báo hiệu cố định).

- Tầm nhìn địa lý: ……hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng …m.

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng: .……………………………………………………………………….

- Phạm vi chiếu sáng: ………………………………………………………………………

- Chiều cao tâm sáng: …………….m, tính đến ……………………………………………

- Tầm hiệu lực ánh sáng: ……………. hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74

**2. Báo hiệu vô tuyến điện:**

a) Racon:

- Dải tần hoạt động: ………………………………………………………………………

- Mã tín hiệu nhận dạng: …………………………………………………………………

- Chu kỳ hoạt động: ………………………………………………………………………

- Tầm hiệu lực: … hải lý với radar có công suất phát …kW, chiều cao ăng ten radar...... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS: ……………………………………………………………

- Dải tần hoạt động: ………………………………………………………………………

- Số nhận dạng (MMSI): …………………………………………………………………

- Tần suất phát thông tin: …………………………………………………………………

- Tầm hiệu lực: ……………………......…………………………………………………

- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải: ……………………………………….......

**3. Báo hiệu âm thanh**

- Cường độ phát âm: ……………………………………………………………………….

- Tần số phát âm:  …………………………………..

- Mã tín hiệu phát âm: ………………………………

- Chu kỳ phát âm: ……………………………………

- Tầm hiệu lực âm phát: …………............................. hải lý với tốc độ gió cấp 1.

***Ghi chú:*** Các đặc tính khác của báo hiệu không thay đổi (tham khảo Thông báo hàng hải số ………………….. ngày ………………………..)

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

……………………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………. *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 20**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: … /TBHH-……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *…, ngày … tháng … năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc tạm ngừng hoạt động …………..**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………...………………………………………………………………

Tên luồng: …………………..………………………………………………….. (nếu có).

Tên báo hiệu: …………………………….……………………………………

Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

Căn cứ ………………………………………………………………………

Cảng vụ Hàng hải … thông báo …đã tạm ngừng hoạt động từ ngày ………

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………. *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 21**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: …/TBHH-………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc phục hồi hoạt động …………**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………………………………………………………………………

Tên luồng: …………………………………………………………… (nếu có)………….

Tên báo hiệu: ……………………………………………………………………

Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

Căn cứ ………………...………………………………………………

Cảng vụ Hàng hải ………………….……….. thông báo: ……… đã được phục hồi hoạt động theo đúng các đặc tính đã thông báo hàng hải.

Thông báo hàng hải số …………… ngày ……………không còn hiệu lực.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 22**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:…/TBHH-……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc chấm dứt hoạt động …………..**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ………………………………………………………………………

Tên luồng: …………………………………………………………… (nếu có)………….

Tên báo hiệu: ……………………………………………………………………

Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

Căn cứ …………………………………………………………

Cảng vụ Hàng hải ………….. thông báo: …… chấm dứt hoạt động từ ngày …………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 23**

|  |  |
| --- | --- |
| **…………….** …………….. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: … /TBHH-…. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải ………**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………….………………………………………………………………..

Tên luồng: ……………………………………………… (nếu có)…………

Căn cứ: ………………………………………………………………………

Cục Hàng hải Việt Nam/Cảng vụ Hàng hải ………….... thông báo về thông số kỹ thuật của ………………….. như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng ... m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số .... kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt.... m.

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);  (trường hợp Cảng vụ thông báo định kỳ)  - Các Cảng vụ hàng hải;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cục Hàng hải Việt Nam….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

***Ghi chú:***

1. Có thể thông báo độ sâu của từng đoạn luồng trên một tuyến luồng.

2. Nếu trên một đoạn luồng có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trên toàn tuyến, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

**Mẫu số 24**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)…………... **(2) ……………..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: … /TBHH-………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước ………**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ………………………………………………………………………

Tên luồng: ……………………………………………………………………… (nếu có).

Căn cứ: ……………………………………………………………………………………

Cục Hàng hải Việt Nam/Cảng vụ Hàng hải ……….... thông báo về thông số kỹ thuật của …………………………. như sau: trong phạm vi …………….. được giới hạn bởi các điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |  |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số .... kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt.... m.

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

………………………………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);  (trường hợp Cảng vụ thông báo định kỳ)  - Các Cảng vụ hàng hải;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cục Hàng hải Việt Nam….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

***Ghi chú:***

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan có thẩm quyền công bố Thông báo hàng hải.

Nếu trong phạm vi thông báo có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

**Mẫu số 25**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số: … /TBHH-…. | *……, ngày …. tháng …. năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện …………**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ………………………………………………………………………………..

Tên luồng: ……………………………………………………………………… (nếu có).

Căn cứ: …………………………………………………………………………………..

Cảng vụ Hàng hải …………………………. thông báo tồn tại chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện ……………………………….. tại vị trí có tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

- Vị trí chướng ngại vật nằm cách ……………………. về phía ………..……………….

- Cao độ của chướng ngại vật ……………  m tính đến mực nước “số 0 hải đồ” (nếu có).

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

…………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 26**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: … /TBHH-………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về khu vực thi công công trình …….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………………………………………………………………..………..

Tên luồng: ………………………………..……………………………………..(nếu có).

Căn cứ: ………………………………………………………………………………….

Cảng vụ Hàng hải ……………………………… thông báo thiết lập khu vực thi công công trình ………………….. được giới hạn bởi các điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |  |

Thời gian thi công: Từ ....giờ .... ngày …………. đến .... giờ.... ngày ……..…………….

Đặc điểm của các phương tiện thi công: ………………………………………………….

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

……………………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử  hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………….. *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

***Ghi chú:*** Đối với các công trình thi công trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thi công thay cho việc công bố tọa độ giới hạn.

**Mẫu số 27**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |
| Số: … /TBHH-…. |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Vùng biển: ……………………………………………………………………………….

Tên công trình: ………………………………………………………………… (nếu có).

Căn cứ: ………………………………………………………………………………….

Cảng vụ Hàng hải …………… thông báo về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải ………….. với các đặc tính như sau:

- Vị trí: ……………………………………………………………………………………

- Tọa độ địa lý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

- Chiều cao hoặc chiều sâu toàn bộ: ………………m, tính đến …………………………

- Chiều rộng trung bình: ... m ……………………………………………

- Đặc tính điểm nhận dạng vào ban ngày hoặc ban đêm (nếu có) ………………………..

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

……………………………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 28**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |
| Số: … /TBHH-…. |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông,**

**tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Vùng biển: ………………………………………………………………………………

Tên luồng: ……………………………………………………………………. (nếu có).

Căn cứ: ………………………………………………………………………………….

Cảng vụ Hàng hải………thông báo ………………………………………………………

Thời gian: Từ .... giờ ….. ngày………… đến …… giờ ….. ngày ………….

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

**Mẫu số 29**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |
| Số: …/TBHH-…. |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải....**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Vùng biển: ……………………………………………………………………………….

Tên luồng: ……………………………………………………………………… (nếu có).

Căn cứ: ………………………………………….………………………………………..

Cảng vụ Hàng hải ……………………..………………………. thông báo thiết lập khu vực ………………… được giới hạn bởi các điểm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
| Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
|  |  |  |  |

Thời gian: Từ …. giờ …. ngày ….. đến ….. giờ ….. ngày ……………..

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

……………………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c); - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

***Ghi chú:*** Đối với các khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thay cho việc công bố tọa độ giới hạn.

**Mẫu số 30**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……, ngày …. tháng …. năm …* |
| Số: …/TBHH-…. |

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

**Về việc công bố tuyến hàng hải**  
**và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Vùng biển: ……………………………………………………………………………….

Tên luồng: …………………………………………………………………….. (nếu có).

Căn cứ: ………………………………………………………………………………….

Cục Hàng hải Việt Nam thông báo về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam cụ thể như sau:

Các thông tin cơ bản về tuyến hàng hải và phân luồng giao thông: (điểm bắt đầu, điểm kết thúc, các yêu cầu khi hành trình trong tuyến hàng hải...)

**HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)**

………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Các Cảng vụ hàng hải …;  - Tổng Công ty Bảo đảm An toàn hàng hải ...; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;  - Website Cảng vụ hàng hải….;  - ……………………….. | ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

***Ghi chú:*** có thể tiến hành mô tả hoặc công bố kèm theo hải đồ, sơ đồ về tuyến hàng hải, phân luồng giao thông.

**Mẫu số 34**

**BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU**  
*DECLARATION OF STOWAWAY*

**1. CHI TIẾT VỀ TÀU/*SHIP DETAILS***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên tàu/*Name of ship*: | Đại lý cảng tiếp/*Agent in next port:* |
| Số IMO/*IMO number*: | Địa chỉ đại lý/*Agent address:* |
| Quốc tịch tàu/*Flag State of ship:* | IRCS: |
| Công ty tàu/*Company:* | Số INMARSAT/*INMARSAT number:* |
| Địa chỉ công ty/*Company address:* | Cảng đăng ký/*Port of registry:* |
| Tên thuyền trưởng/*Name of the Master:* |  |
| Đại lý tàu biển/*Shipping agent:* |  |

**2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/*STOW AWAY DETAILS***

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board:*

Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding*:

Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of* *boarding:*

Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu*/Date/time of boarding:*

Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended* *final destination:*

Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship:*

Họ/*Surname:* Tên/*Given name:*

Tên khác/*Name by which known:*

Giới tính/*Gender*:

Ngày sinh/*Date of* *birth:*

Nơi sinh/*Place of* *birth:*

Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality:*

Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*

Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*

Số-loại giấy tờ/*ID-document type, e.g.* *Passport No:*

Sổ thuyền viên/*Seaman’s book* *No:*

Nếu có/*If yes,*

Ngày cấp/*When issued:*

Nơi cấp/*Where issued:*

Ngày hết hạn/*Date of expiry:*

Cơ quan cấp/*Issued* *by:*

|  |
| --- |
| Ảnh của người trốn trên tàu/*Photogrơph of the stowaway:*  Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/   *General physical description of the stowaway:* |

Ngôn ngữ sử dụng chính/*First* *language:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

Ngôn ngữ khác/*Other languages:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

**3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/*OTHER DETAILS***

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Ví dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v…) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway’s possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway)*.

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỮ KÝ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU** *STOWAWAY'S SIGNATURE* ***DATE:*** | **CHỮ KÝ THUYỀN TRƯỞNG** *MASTER'S SIGNATURE* ***DATE:*** | **CHỮ KÝ ĐẠI LÝ** *AGENT'S SIGNATURE* ***DATE:*** |

**Mẫu số 35**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** *……., ngày … tháng … năm …* | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  **Cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển** **và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Kính gửi: Cảng vụ hàng hải ……….  Tên người làm thủ tục: ……………………………….…………………………………..  Đăng ký kinh doanh số ………… ngày ….. tháng ….. năm …… tại …….……………..  Địa chỉ: ………………………………………………….………..………………………  Số điện thoại liên hệ: ………………………………………………………………………  Đề nghị Cảng vụ hàng hải …………….. cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải theo quy định, với các thông tin dưới đây:  1. Chủ thể tiến hành: ………………………………………………………………………  2. Hoạt động tiến hành: ……………………………………………………………………  3. Thời gian tiến hành: …………………………………………..…………………………  4. Địa điểm tiến hành: ……………………………………….……………………………  5. Lý do, sự cần thiết: ………………………………………..……………………………  6. Biện pháp cần thiết bảo đảm an toàn, an ninh, phòng ngừa ô nhiễm môi trường: …..…  7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): …………………………….………  8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có).  Kính đề nghị Cảng vụ hàng hải ……………………. xem xét, giải quyết. | | |
|  | | **TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 39**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:…….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……., ngày … tháng … năm …* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cho phép tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng**  
**năng lượng hạt nhân, tàu vận chuyển chất phóng xạ đến cảng biển**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Tên người làm thủ tục: ………………………………………………………………….

Đăng ký kinh doanh số …….…… ngày …… tháng ….. năm …. tại ………………….

Địa chỉ:…………………………………………………………………………………

Số điện thoại liên hệ: …………………………………………………………………

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận cho phép tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu vận chuyển chất phóng xạ đến cảng biển theo quy định, với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu biển: …………………………………………………………………………

2. Quốc tịch tàu biển: …………………………………………………….……………

3. Chủ tàu: ……………………………………………………………..………………

4. Cảng biển hoặc bến cảng, cầu cảng tàu vào: ……………………………………….

5. Lý do, sự cần thiết vào cảng: ……………………………………….……………….

6. Thời gian dự kiến hoạt động tại Việt Nam: …………………………………………..

7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): ……………..…………………

8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có): …………………………………………

9. Tài liệu kèm theo:…………………………………………………………………..

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

- Bản sao các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu.

Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 40**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ** **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số:……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……., ngày … tháng … năm …* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: ……………………..

Tên người làm thủ tục: …………………………………………………………………

Đăng ký kinh doanh số ………… ngày ……. tháng …… năm …… tại ………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………………

Số điện thoại liên hệ: …………………………………………………………………

Đề nghị ………………….. xem xét cấp Giấy phép hoặc văn bản chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù theo quy định, với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu biển: ……………………………………………………………………….

2. Quốc tịch tàu biển: …………………………………..……………………………..

3. Chủ tàu: …………………………………………………………………………….

4. Cảng biển hoặc bến cảng, cầu cảng tàu đến: …………………………………………

5. Lý do, sự cần thiết vào cảng: ……………………………………………………….

6. Thời gian dự kiến hoạt động tại Việt Nam: …………………………………………

7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): …………………………………

8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có): ………………………………………..

9. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

- Bản sao các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu.

Kính đề nghị …………………………. xem xét, giải quyết.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 46**

|  |  |
| --- | --- |
| (1)…………….. **(2) .……………** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU THUYỀN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** Time | **Tên tàu** Name of ship | **Mớn nước** Draft | **Chiều dài lớn nhất** LOA | **Trọng tải** DWT | **Dung tích** GT | **Hoa tiêu dẫn tàu** | **Tàu lai** Tug boat | **Tuyến luồng** Chanel | **Từ** From | **Đến** To | **Đại lý** Agent |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày … tháng …. năm ...* Date…………… ………………… *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

***Ghi chú:***

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Lệnh điều động.

**Mẫu số 49**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM  
DANGEROUS GOODS MANIFEST**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | |  | | |  | | | | | | Số trang | | | | | | | | |
| 1.1 Tên tàu Name of ship | | | | 1.2 Số IMO IMO Number | | | 1.3 Hô hiệu Call sign | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.4 Số chuyến đi: Voyage number | | | | 2. Quốc tịch tàu Flag state of ship | | | 3. Cảng nhận hàng Port of loading | | | | | | 4. Cảng trả hàng Port of discharge | | | | | | | | |
| 5. Vị trí xếp hàng  Stowage position | | 6. Số tham chiếu  Reference number | 7. Dấu và số:  - Nhận dạng container chở hàng  - Đăng ký xe không (s)  Marks and numbers:  -Freight container identification no (s)  -Vihicle registration no (s) | 8. Số UN UN number | 9. Tên vận chuyển phù hợp (Thông số kỹ thuật)  Proper Shipping Nam /(Technical specifications) | | | | 10. Loại hàng hóa  Class/(Subisdiary) | | 11. Nhóm hàng Packing group | | | 12. Additional information/Marine pollutant/Flashpoint/etc. | | | 13. Number and kind of packages | | 14. Khối lượngMass (kg) or Volume (L) | | 15.Ems |
| 16. Đại lý tàu biển  Shipping agent | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |  |  |  |  |  | | |  |  | |  | | |  |  | |  | |  | |  |
|  | | | | | | | *(16.1)…….., ngày … tháng …. năm …* Date.................... **Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)** Master (Authorized agent or officer) | | | | | | | | | | | | | |

**Mẫu số 50**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BẢN KHAI DỰ TRỮ CỦA TÀU  
SHIP’S STORES DECLARATION**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  | Vào Arrival |  | Rời Departure | | Trang số: Page No: |
| 1.1 Tên tàu: Name of ship | | 1.2 Số IMO: IMO number | | | | | |
| 1.3 Hô hiệu: Call sign | | 1.4 Số chuyến đi: Voyage number | | | | | |
| 2. Cảng vào/rời: Port of arrival/departure | | 3. Ngày vào/rời: Date of arrival/departure | | | | | |
| 4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | | 5. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/Next port of call | | | | | |
| 6. Số người trên tàu Number of person on board | | 7. Thời gian ở cảng Period of stay | | | | | |
| 8. Tên vật phẩm Name of article | 9. Số lượng Quantity | 10. Vị trí tên tàu Location on board | | | | 11. Sử dụng ở trên tàu Official use | |
|  |  |  | | | |  | |
|  |  |  | | | |  | |
|  |  |  | | | |  | |
|  |  |  | | | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….., ngày …… tháng ……. năm …* Date…………………. **Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)** Master (Authorized agent or officer) |

**Mẫu số 51**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BẢN KHAI HÀNH LÝ THUYỀN VIÊN, HÀNH KHÁCH  
PASSENGER'S EFFECTS, CREW’S EFFECTS DECLARATION**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | Trang số: Page No: |  |
| 1.1 Tên tàu: Name of ship | | | | 1.2 Số IMO: IMO number | |
| 1.3 Hô hiệu: Call sign | | | | 1.4 Số chuyến đi: Voyage number | |
| 2. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | | | | | |
| 3. TT No. | 4. Họ  Family name | 5. Tên  Given name | 6. Chức danh  Rank or rating | 7. Hành lý phải nộp thuế, bị cấm hoặc hạn chế (\*) Effects ineligible for relief from customs duties and taxes or subject to prohibitions or restrictions (\*) | 8. Chữ ký Signature |
|  |  |  |  |  |  |

(\*) Ví dụ: Rượu, cồn, thuốc lá bao, thuốc lá sợi v.v…  
 e.g. wines, spirits, cigarettes, tobaco, etc…

|  |  |
| --- | --- |
|  | *(9)….., ngày …… tháng … năm …* Date................... **Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)** Master (Authorized agent or officer) |

**Mẫu số 59**

**BẢN KHAI CHUNG**

(Cho phương tiện thủy nội địa)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Đến |  | Rời |  |
| 1. Tên phương tiện: | 5. Tên cầu, bến cảng sẽ cập: | | 6. Thời gian hoạt động tại cảng:  *Thời gian đến cảng:*  *Thời gian rời cảng:* | | |
| 2. Số đăng ký: |
| 3. Dung tích: | 7. Cảng, bến rời cuối cùng | | 8. Cảng/bến kế tiếp | | |
| 4. Trọng tải: |
| 9. Tên thuyền trưởng | | | | | |
| 10. Tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ phương tiện: | | | | | |
| 11. Hàng hóa, số lượng xếp/dỡ: | | | | | |
| 12. Mã số Giấy phép rời cảng, bến điện tử (\*): | | | | | |

(\*) Mục này chỉ khai khi phương tiện đến cảng.

|  |
| --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…, ngày ... tháng ... năm …* **Thuyền trưởng (*hoặc người được ủy quyền* hoặc đại lý)** |

**Mẫu số 61**

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**

(Cho phương tiện thủy nội địa)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  | | Đến | |  | Rời |  |
| Tên tàu: | | | | | | | | |
| TT | Họ và tên | | Ngày và nơi sinh | | Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân | | | |
|  |  | |  | |  | | | |
|  |  | |  | |  | | | |
|  |  | |  | |  | | | |
|  |  | |  | |  | | | |
|  |  | |  | |  | | | |
|  |  | |  | |  | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…, ngày ... tháng ... năm ...* **Thuyền trưởng (*hoặc người được ủy quyền* hoặc đại lý)** |

**Mẫu số 62**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **(1)............................... (2) ………............….. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** Số: …………/GP    **GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG BIỂN**  Tên phương tiện: ............................  Số đăng ký: .........................................  Trọng tải …………………………  Tên thuyền trưởng: ......................  Trọng tải …………………………..  Vào cảng, bến:…………… ……….  Cập mạn tàu: ………….. Đậu tại cầu, phao  Hàng dỡ ………… Số lượng ……….  Tấn/Teu ……………………………  Hàng xếp: ………… Số lượng………….  Tấn/Teu ……………………………  *Số thuyền viên: ……………………………………*  *Số hành khách (nếu có): …………………………….*  Trong thời hạn: từ ngày…../…/.... đến ngày …/…./…  Được rời cảng lúc....giờ ngày.... tháng... năm...  Cảng, bến đến: …………………… | **(1)……………… (2)……………….. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** Số:……… /GP | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| **GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG BIỂN**  (Cho phương tiện thủy nội địa)  Cho phép phương tiện thủy: …………………………………….. Số đăng ký: ................  Tên thuyền trưởng: .......................................................................................................  Trọng tải ………………………………………………………………………………………..  Vào cảng, bến: ………………………………………………………………………………..  Cập mạn tàu: …………………………………………. tại cầu, phao: ……………………  Hàng dỡ: ……………………………… số lượng………………… Tấn/Teu …………….  Hàng xếp: …………………………….. số lượng…………………. Tấn/Teu…………….  *Số thuyền viên: ……………………………………………………………………………..*  *Số hành khách (nếu có): ………………………………………………………………………*  Trong thời hạn: từ giờ …. ngày ... tháng ... năm .... đến …… giờ ….. tháng ....năm ....  Được rời cảng lúc ……. giờ ….. ngày ….. tháng .... năm …………………………….  Cảng, bến đến: ………………………………………………………………………………. | | |
| *………., ngày…… tháng…… năm……* ………………… ***Người có thẩm quyền ký, đóng dấu*** |
|  | *……, ngày…… tháng…… năm……* ………………… ***Người có thẩm quyền ký, đóng dấu*** | |

***Ghi chú:***

(1) Cơ quan chủ quản;

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép.

**Phụ lục II**

**CÁC BIỂU MẪU THAY THẾ CÁC BIỂU MẪU CỦA**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 58/2017/NĐ-CP ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI,**

**BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 74/2023/NĐ-CP**

*(Kèm theo Nghị định số 34 /2025/NĐ-CP*

*ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

1. Mẫu số 42: Bản khai chung.

2. Mẫu số 43: Bản khai hàng hóa.

3. Mẫu số 44: Xác báo tàu đến cảng (quá cảnh).

4. Mẫu số 47: Danh sách thuyền viên.

5. Mẫu số 48: Danh sách hành khách.

6. Mẫu số 57: Thông báo tàu rời cảng.

**Mẫu số 42**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Socialist Republic of Vietnam  
 Independence - Freedom - Happiness

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**BẢN KHAI CHUNG**

**GENERAL DECLARATION**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | | |  | Vào Arrival | | |  | Rời Departure | |
| 1.1 Tên và loại tàu:  Name and type of ship | | | | | | 1.2 Số IMO  IMO number | | | | | | |
| 1.3 Hô hiệu   Call sign | | | | | | 1.4 Số chuyến đi: Voyage number | | | | | | |
| 2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure | | | | | | 3. Thời gian đến/rời cảng Date and time of arrival/departure | | | | | | |
| 4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | 5. Tên thuyền trưởng: Name of master | | | | | 6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích  Last port of call/next port of call | | | | | | |
| 7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (date, number and Port of registry) | | | | | | 8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục:  Name and contact details of ship’s agent | | | | | | |
| 9. Tổng dung tích: Gross tonnage | 10. Dung tích có ích:  Net tonnage | | | | |
| 11. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage  Các cảng trước: Previous ports of call  Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call  Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged | | | | | | | | | | | | |
| 12. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Brief description of the cargo | | | | | | | | | | | | |
| Loại hàng hóa Kind of cargo | | Tên hàng hóa Cargo name | | | Số lượng hàng hóa The quantity of cargo | | | | Đơn vị tính Unit | | | |
| Xuất khẩu  Export cargo | | | | | | | | | | | | |
| ……. | |  | | |  | | | |  | | | |
| Nhập khẩu  Import cargo | | | | | | | | | | | | |
| …. | |  | | |  | | | |  | | | |
| Nội địa  Domestic cargo | | | | | | | | | | | | |
| …. | |  | | |  | | | |  | | | |
| Hàng trung chuyển  Transshipment cargo | | | | | | | | | | | | |
| ………….. | |  | | |  | | | |  | | | |
| Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit | | | | | | | | | | | | |
| Loại hàng Kind of cargo | | | Tên hàng hóa Cargo name | Số lượng hàng hóa The quantity of cargo | | | | Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging | | | | Đơn vị tính Unit |
| Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng  The quantity of cargo in transit loading, discharing at port | | | | | | | | | | | | |
| ………. | | |  |  | | | |  | | | |  |
| Hàng quá cảnh không xếp dỡ  The quantity of cargo in transit | | | | | | | | | | | | |
| ….. | | |  |  | | | |  | | | |  |
| 13. Số thuyền viên  Number of crew | | | 14. Số hành khách Number of passengers | 15. Ghi chú:  Remarks  - Trọng tải toàn phần:  Deadweight (DWT)  - Mớn nước mũi, lái:  Draft F/A  - Chiều dài lớn nhất:  LOA  - Chiều rộng lớn nhất:  Breadth  - Chiều cao tĩnh không:  Air draft  - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu:  Type of fuel  - Lượng nhiên liệu trên tàu:  Remain on board (R.O.B)  - Tên và địa chỉ chủ tàu:  Name and address of the shipowners  - Các thông tin cần thiết khác (nếu có)  And others (If any) | | | | | | | | |
| Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies) | | | |
| 16. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration | | | 17. Bản khai dự trữ của tàu Ship’s Stores Declaration |
| 18. Danh sách thuyền viên Crew List | | | 19. Danh sách hành khách Passenger List | 20. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship’s requirements in terms of waste and residue reception facilities | | | | | | | | |
| 21. Bản khai hành lý thuyền viên(\*) Crew’s Effects Declaration (only on arrival) (\*) | | | 22. Bản khai kiểm dịch y tế (\*) Maritime Declaration of Health (only on arrival) (\*) |
| 22.1 Số đăng ký hành chính  Official number | | | | 22.2 Số đăng kiểm  Registry number | | | | | | | | |
| 22.3 Mã số Giấy phép rời cảng (\*) Number of port clearance | | | | | | | | | | | | |
| ***Ghi chú:***  *Note:*  (\*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng. Only on arrival.  Mục 22.1 và 22.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.  No 22.1 and 22.2: Only for inland waterway ships. | | | | *23…., ngày ... tháng ... năm ...* Date …………………………. **Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)** Master (or authorized agent or officer) | | | | | | | | |

**Mẫu số 43**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BẢN KHAI HÀNG HÓA  
CARGO DECLARATION**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | |  | Vào Arrival |  | Rời Departure | | Trang số: Page No: |
|  | 1.1 Tên tàu Name of ship | | 1.2 Số IMO  IMO number | | | | | |
|  | 1.3 Số chuyến đi: Voyage number | | 2. Cảng lập bản khai: Port where report is made | | | | | |
|  | 3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | | 4. Tên thuyền trưởng: Name of master | | | | | |
|  | 5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge | | | | | | | |
| Vận đơn số\* B/L No | 6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos. | 7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods or, if available, the Harmonized System (HS) code | 8. Tổng trọng lượng Gross weight | | | | 9. Kích thước Measurement | |
|  | Xuất khẩu Export cargo |  |  | | | |  | |
|  | Nhập khẩu Import cargo |  |  | | | |  | |
|  | Nội địa Domestic cargo |  |  | | | |  | |
|  | Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharing at port |  |  | | | |  | |
|  | Hàng quá cảnh không xếp dỡ  The quantity of cargo in transit |  |  | | | |  | |
|  | Hàng trung chuyển Transshipment cargo |  |  | | | |  | |
|  | 9.1 Số đăng ký hành chính  Official number | | 9.2 Số đăng kiểm  Registry number | | | | | |

\* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.  
 B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

*Note:* Mục 9.1 và 9.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 9.1 and 9.2: Only for inland waterway ships.

*(10)…….., ngày …… tháng ……. năm …*Date.....................   
**Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**Master (Authorized agent or officer)

**Mẫu số 44**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**XÁC BÁO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)**

**CONFIRMATION OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Tên và loại tàu: Name and type of ship | | 4. Cảng đến Port of arrival | 5. Thời gian đến Time of arrival |
| 2. Số IMO: IMO number | |
| 3. Hô hiệu:  Call sign | |
| 6. Số đăng ký hành chính:  Official number | |
| 7. Số đăng kiểm:  Registry number | |
| 8. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port) | |
| 9. Quốc tịch tàu Flag State of ship | |  |  |
| 10. Tình trạng người trên tàu | | | |
| Người ốm (nếu có)  Ill person (If any)  Tên: Name:  Tuổi: Age:  Quốc tịch(\*): National:  Số định danh cá nhân:  Personal identification number:  Tình trạng bệnh tật: Ilness status | Người chết (nếu có) Dead person (If any)  Tên: Name:  Tuổi: Age:  Quốc tịch(\*): National:  Số định danh cá nhân:  Personal identification number: Tình trạng bệnh tật: Ilness status  Lý do tử vong: Reason of dead | Người cứu vớt được trên biển (nếu có) Rescued person (If any)  Tên: Name:  Tuổi: Age:  Quốc tịch(\*): National:  Số định danh cá nhân:  Personal identification number: | Người trốn trên tàu (nếu có) Stow away (If any)  Tên: Name:  Tuổi: Age:  Quốc tịch(\*): National:  Số định danh cá nhân:  Personal identification number: |
| Các yêu cầu liên quan khác Realavant requirements | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  *Note:*  Mục 6 và 7 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.  No 6 and 7: Only for inland waterway ships.  (\*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.  Only for foreigner. | *…, ngày … tháng … năm…* Date ................................ **Thuyền trưởng (hoặc đại lý)** **Master (or authorized agent)** |

**Mẫu số 47**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN**

**CREW LIST**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  |  | | | | | | |  | | Vào Arrival |  | Rời Departure | | Trang số: Page No: |
| 1.1 Tên tàu: Name of ship | | | | | 1.2 Số IMO:  IMO number | | | 1.3 Hô hiệu: Call sign | | | 1.4 Số chuyến đi: Voyage number | | | | | |
| 2. Cảng vào/rời: Port of arrival/departure | | | | | 3. Ngày vào/rời: Date of arrival/departure | | | 4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship | | | 5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call | | | | | |
| 5.1 Số đăng ký hành chính  Official number | | | | | 5.2 Số đăng kiểm  Registry number | | | | | | | | | | | |
| 6.STT No. | 7. Họ  Family name | 8. Tên  Given name | 9. Chức danh Rank of rating | 10. Quốc tịch (\*) Nationality | 11. Ngày sinh (\*)  Date of birth | 12. Nơi sinh (\*) Place of birth | 13. Giới tính  Gender | 14.  Loại giấy tờ nhận dạng  (Hộ chiếu của thuyền viên/Số định danh cá nhân)  Nature of identity document(seaman’s passport/ Personal identification number) | 15. Số giấy tờ nhận dạng  Number of identity document | | 16. Quốc gia cấp giấy tờ nhận dạng  Issuing State of identity document | | | | 17. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng  Expiry date of identity document | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | | | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | | | |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  *Note:*  Mục 5.1 và 5.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.  No 5.1 and 5.2: Only for inland waterway ships.  (\*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.  Only for foreigner. | *(18)….., ngày … tháng ... năm …*  Date................................  **Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)**  Master (Authorized agent or officer) |

**Mẫu số 48**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**

**PASSENGER LIST**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Vào Arrival |  | Rời Departure | Trang số: Page No: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * 1. Tên tàu   Name of ship | | | | | | * 1. Số IMO   IMO number | | | | * 1. Hô hiệu   Call sign | | | | |
| * 1. Số chuyến đi   Voyage number | | | 2. Cảng đến/đi  Port of arrival/departure | | | | 3. Ngày đến/đi  Date of arrival/Departure | | 4. Quốc tịch tàu  Flag State of ship | | | | | |
| 5. Họ  Family name | 6. Tên  Given name | 7. Quốc tịch (\*)  Nationality | 8. Ngày sinh (\*)  Date of birth | 9. Nơi sinh (\*) Place of birth | 10. Giới tính  Gender | 11.  Loại giấy tờ nhận dạng  (Hộ chiếu của thuyền viên/Số định danh cá nhân)  Nature of identity document(seaman’s passport/ Personal identification number) | 12. Số giấy tờ nhận dạng  Number of identity document | 13. Quốc gia cấp giấy tờ tùy thân  Issuing State of identity document | 14. Ngày hết hạn của giấy tờ nhận dạng  Expiry date of identity document | | 15. Cảng lên tàu  Port of embankation | 16. Số thị thực nếu hợp pháp  Visa number if appropriate | 17. Cảng rời tàu  Port of disembankation | 18. Hành khách có quá cảnh hay không  Transit passenger or not |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| 18.1 Số đăng kiểm  Registry number | | | | | | | | | | 18.2 Số đăng ký hành chính:  Official number | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  *Note:*  Mục 18.1 và 18.2 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.  No 18.1 and 18.2: Only for inland waterway ships.  (\*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.  Only for foreigner. | (19)*…….., ngày … tháng …. năm …*  Date....................  **Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)** Master (Authorized agent or officer) |

**Mẫu số 57**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Socialist Republic of Vietnam  
Independence - Freedom - Happiness

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**THÔNG BÁO TÀU RỜI CẢNG**

**NOTICE OF CLEARANCE OF VESSEL AT THE PORT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship | | | | | 1.2 Số IMO:  IMO number | |
| 1.3 Hô hiệu:  Call sign | | | | | * 1. Số chuyến đi   Voyage number | |
| 2. Cảng rời Port of clearance | | | | | 3. Thời gian rời Time of clearance | |
| 4. Quốc tịch tàu Flag State of ship | | 5. Tên thuyền trưởng Name of master | | | 6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích  Last port of call/next port of call | |
| 7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port) | | | | | 8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục:  Name and contact details of ship’s agent | |
| 9. Tổng dung tích Gross tonnage | | 10. Dung tích có ích  Net tonnage | | |
| 11. Thông tin hàng hóa  11.1. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa xếp tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board  11.2. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa dỡ tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo dischaging at port  11.3. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa trên tàu trước khi rời cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board before leaving | | | | | | |
| 12. Số thuyền viên  Number of crew | | | 13. Số hành khách Number of passengers | | | 16. Ghi chú: Remarks  - Trọng tải toàn phần:  Deadweight (DWT)  - Mớn nước mũi, lái:  Draft F/A  - Chiều dài lớn nhất:  LOA  - Chiều rộng lớn nhất:  Breadth  - Chiều cao tĩnh không:  Air draft  - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu:  Type of fuel  - Lượng nhiên liệu trên tàu:  Remain on board (R.O.B)  - Tên và địa chỉ chủ tàu:  Name and address of the shipowners  - Các thông tin cần thiết khác (nếu có)  And others (If any) |
| 14. Số đăng ký hành chính:   Official number | | | 15. Số đăng kiểm:  Registry number | | |
| ***Ghi chú:***  *Note:*  Mục 14 và 15 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.  No 14 and 15: Only for inland waterway ships. | | | *…, ngày ... tháng ... năm...* Date ………………………….. **Thuyền trưởng (hoặc đại lý)** Master (or authorized agent) | | |

**Phụ lục III**

**CÁC BIỂU MẪU BỔ SUNG**

*(Kèm theo Nghị định số 34 /2025/NĐ-CP*

*ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

1. Mẫu số 2a: Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Mẫu số 35a: Cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

3. Mẫu số 63: Tờ trình công bố Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.

4. Mẫu số 64: Quyết định về việc công bố cập nhật Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.

5. Mẫu số 65: Đơn đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

6. Mẫu số 66: Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

7. Mẫu số 67: Đơn đề nghị phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

8. Mẫu số 68: Quyết định phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

9. Mẫu số 69: Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động tàu lặn.

10. Mẫu số 70: Quyết định chấm dứt hoạt động tàu lặn.

**Mẫu số 2a**

|  |  |
| --- | --- |
| **……(1)……...**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: …/QĐ-…(1).. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *…(2)…, ngày … tháng …. năm ….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải ..................**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM/**

**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI …..**

*Căn cứ……………….................……………………………………………….*

*Căn cứ…………………................…………………………………………….*

*Xét đề nghị của ..........................................................................................................*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải ............. với các nội dung chính như sau:

Trường hợp tiến hành xây dựng, thi công các cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

1. Thông tin chung về công trình, dự án

2. Thời gian thi công, xây dựng

3. Biện pháp thi công

4. Biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải

5. Việc lắp đặt, điều chỉnh báo hiệu

6. Phương án tổ chức, phối hợp thực hiện, kiểm tra, giám sát

Trường hợp bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố

1. Về đối tượng áp dụng của Phương án

a. Tên bến cảng, cầu cảng

b. Vị trí bến cảng, cầu cảng

c. Thông số kỹ thuật của tàu biển

2. Điều kiện khai thác

3. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải

4. Biện pháp ứng phó, xử lý sự cố và tai nạn hàng hải

5. Trách nhiệm các bên liên quan

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

**Điều 4.** **Trách nhiệm thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - ................... | *………………..*  *Người có thẩm quyền ký, đóng dấu* |

(1) Cơ quan ban hành Quyết định.

(2) Địa điểm nơi ban hành Quyết định.

**Mẫu số 35a**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…..**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……., ngày … tháng … năm…* | |
| **Cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển** **và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải**  Kính gửi:  (1) ………………….  Xét Đơn đề nghị cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải của……(1)………  Cảng vụ hàng hải……….. chấp thuận cho ………(1)………được tiến hành hoạt động lặn trong vùng nước cảng biển………………., với nội dung cụ thể sau đây:  1. Chủ thể tiến hành: ………………………………………………………………  2. Hoạt động tiến hành: ……………………………………………………………  3. Thời gian tiến hành: ……………………………………………………………  4. Địa điểm tiến hành: ………………………………………………………………  5. Yêu cầu ….(1)…. Thực hiện:  - Nghiêm túc áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ và vệ sinh, an toàn lao động theo quy định trong suốt thời gian thực hiện.  - Không được gây bất cứ cản trở nào đối với hoạt động hàng hải khác trong khu vực.  - Trong thời gian tiến hành hoạt động nếu có bất cứ sự cố hoặc thay đổi kế hoạch phải thông báo kịp thời đến Cảng vụ Hàng hải……. để xem xét, xử lý. | | |
|  | | *(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Mẫu số 63**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số:….. /TTr-CHHVN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……., ngày … tháng … năm …* |
| **TỜ TRÌNH**  **Công bố Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.  Căn cứ Nghị định số ....... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;  Căn cứ Quyết định số.... Thủ tướng Chính phủ công bố Danh mục cảng biển Việt Nam;  Cục Hàng hải Việt Nam đã tiến hành rà soát, cập nhật và tổng hợp danh mục các bến cảng tính đến hết năm..., cụ thể như sau:  1. Số lượng bến cảng công bố mới:.........................................................  2. Số lượng cầu cảng công bố mới: ..................................  3. Số lượng bến cảng đổi tên:........................................................  4. Số lượng cầu cảng đổi tên:......................................................................................................  5. Số lượng bến cảng công bố đóng:...........................................................................................  6. Số lượng cầu cảng công bố đóng:...........................................................................................  7. Nội dung chi tiết các bến cảng, cầu cảng công bố mới, đổi tên, công bố đóng:.....................   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên bến cảng** | **Thuộc cảng biển** | **Chi tiết** | | **I. Bến cảng, cầu cảng công bố mới** | | | | | 1. |  |  |  | | 2. |  |  |  | | **II. Bến cảng, cầu cảng công bố đổi tên** | | | | | 1. |  |  |  | | 2. |  |  |  | | **III. Bến cảng, cầu cảng công bố đóng** | | | | | 1. |  |  |  | | 2. |  |  |  |   Cục Hàng hải Việt Nam kính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, công bố cập nhật Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.  Cục Hàng hải Việt Nam kính trình. | |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  -...;  - Lưu: VT,... | **CỤC TRƯỞNG** |

**Mẫu số 64**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: … /QĐ-BGTVT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Hà Nội, ngày … tháng … năm …* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố cập nhật Danh mục bến cảng,**

**cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ ……………………....………………………………………………….;*

*Căn cứ ………………………….......………………………………………….;*

*Theo đề nghị của ……………………...................………*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố cập nhật Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.**

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thực hiện quản lý, khai thác bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam theo quy định của pháp luật. Hàng năm tổ chức trình Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục cập nhật bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam theo quy định.

2. Vụ Kết cấu hạ tầng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu cho lãnh đạo bộ trong tổ chức quản lý, khai thác và công bố cập nhật Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam theo quy định.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số ……… về việc Công bố cập nhật Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.

2.Chánh Văn phòng bộ, Chánh Thanh tra bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Các Thứ trưởng;  - Cổng TTĐT Bộ GTVT;  - Báo Giao thông;  - ..............  - Lưu: VT, ...... | **BỘ TRƯỞNG** |

**Mẫu số 65**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số:    /ĐĐN-…….(1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *…….(địa danh), ngày … tháng … năm …* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn ………...(2)**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: ……(3)..................

1. Thông tin tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn

a) Tên tổ chức/Doanh nghiệp: …………………………………

b) Người đại diện theo pháp luật: ………………………………………………….

c) Đăng ký kinh doanh:…………ngày……tháng……năm……..tại ……………..

d) Địa chỉ: …………………………………

đ) Số điện thoại liên hệ:…………………………………………………………..

2. Nội dung đề xuất

a) Quy mô, kích thước, diện tích vùng hoạt động: ………………………;

b) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):………………………………………

c) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác ............................................;

 (4)....................... kính đề nghị ……………(3) ……...xem xét, chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn tại……………..(2) ………………………………………

Xin trân trọng cảm ơn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: VT, ……. | **TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ (5)** *(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.

(4) Tên cơ quan, tổ chức.

(5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức.

**Mẫu số 66**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: … /QĐ-CHHVN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *………, ngày …. tháng….  năm …* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

*Căn cứ ……………………………….……………………………………………………….…;*

*Xét Đơn đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của ………..(1)……… và các hồ sơ liên quan;*

*Theo đề nghị của ……………………………………………………………………..,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn của .......(1)……, với các nội dung:

1. Thông tin chi tiết vùng hoạt động tàu lặn:

a)  Quy mô, kích thước, diện tích: …………………………………………………….…

b) Vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động của tàu lặn …(2)…….

2. Thời gian sử dụng vùng nước:…………………………………………………………

3. Các yêu cầu về biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Chủ khai thác: …………………………………………………………………….……

- Địa chỉ trụ sở: ……………………………………………………………………..……;

- Số điện thoại: ……………………………………………………..………………..……

5. Mục đích sử dụng: ………………………………………

**Điều 2.** …………(1) ……………trong quá trình khai thác vùng hoạt động tàu lặn có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ……. của Chính phủ quy định về ………………………………………………...…;

b) Không được phép hoạt động trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

………………………………………………………………………………………….

**Điều 3.** Các ....(3)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Tổ chức đề nghị chấp thuận vùng hoạt động  tàu lặn (01 bản); - ………………………….; - Lưu: VT,.... | **CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn.

(2) Thông tin về phạm vi vùng hoạt động tàu lặn.

(3) Các cá nhân là Thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

**Mẫu số 67**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC KHAI THÁC TÀU LẶN** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** *….., ngày ….. tháng …… năm …* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải.

**1. Thông tin về tổ chức khai thác tàu lặn**

a) Tên tổ chức khai thác tàu lặn:..............................................

b) Địa chỉ:.................................................................................

c) Số điện thoại liên hệ: ..............................................................

d) Người đại diện theo pháp luật:..............................................

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………… do (Tên cơ quan cấp) cấp …………….ngày………tháng……..năm ……..

**2. Thông tin về tàu lặn**

a) Tên tàu lặn: .....................................................

b) Vùng khai thác .........................................................

c) Quyết định chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn số ………do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ...... tháng …….năm ……

d) Quyết định giao khu vực biển số ……………………………do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ...... tháng …….năm ……

**3. Hồ sơ phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động**

a) Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký, đăng kiểm tàu lặn;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Quyết định về việc giao khu vực biển;

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Phương án bố trí người khai thác tàu lặn;

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính Phương án đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình khai thác hoạt động tàu lặn.

Kính đề nghị Cảng vụ Hàng hải…………xem xét, phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHAI THÁC TÀU LẶN**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 68**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  **CẢNG VỤ HÀNG HẢI…….** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: /QĐ-CVHH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *……….., ngày …. tháng ….. năm 20…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI**

*Căn cứ …………………………………………………………………………………….;*

*Theo đề nghị của*………………………………,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tổ chức khai thác tàu lặn sau đây được phép tiến hành hoạt động khai thác tàu lặn:

1. Tên tổ chức khai thác tàu lặn: ...................................

2. Địa chỉ: ......................................................................

3. Số điện thoại liên hệ: .........................................................

4. Người đại diện theo pháp luật: ..........................................

5. Thông số kỹ thuật tàu lặn: ..................................

6. Vùng khai thác: ....................................

**Điều 2.** Tổ chức khai thác tàu lặn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trong phương án đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc như sau:

…………………………………………………………………………………………

**Điều 3.** Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực cảng biển ………………………….

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng…, tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Cục HHVN; - Các Sở:…………..; - ………………………………………….;  - Lưu: VT,.... | **GIÁM ĐỐC**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 69**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: …………. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *….., ngày ….. tháng …… năm…* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Chấm dứt hoạt động tàu lặn**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Cảng vụ hàng hải.

Tên tổ chức đề nghị: ……………………………………………………………………..

Người đại diện theo pháp luật: ………………………………………

Đăng ký kinh doanh: Số ……….do…………… cấp ngày.... tháng.... năm.... tại ………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………………..

Số điện thoại liên hệ: ……………………………………………………………………

Đề nghị Cảng vụ Hàng hải xem xét, tiến hành chấm dứt hoạt động tàu lặn với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu lặn: …………………………………………………

2. Vùng khai thác hoạt động tàu lặn: ………………………

3. Lý do: ……………………………………………………………………………...

4. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): ……………………

Kính đề nghị Cảng vụ Hàng hải xem xét, giải quyết.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 70**

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  **CẢNG VỤ HÀNG HẢI……**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: ……/QĐ-CVHH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *….., ngày …… tháng …… năm ….* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chấm dứt hoạt động tàu lặn**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI**

*Căn cứ …………………………………………….…………..……………………………;*

*Căn cứ…………………………………………….….……………………………………..;*

*Xét đơn đề nghị của ………………………………………….……………………………*

*Theo đề nghị của* ………………………………….……………………………………

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấm dứt hoạt động tàu lặn ……………………

**Điều 2.**

1. Tổ chức khai thác tàu lặn ……………………có trách nhiệm ……

2. ...........................................................................................................................

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số…………

**Điều 4.** Trưởng phòng …..., tổ chức khai thác tàu lặn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Cục HHVN; - Các Sở:…….;  ………………; - Lưu: VT, .......... | **GIÁM ĐỐC**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục IV**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

**HÀNG HẢI SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

*(Kèm theo Nghị định số 34 /2025/NĐ-CP*

*ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn**  **hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước** | **Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu** |
| 1 | Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập | Đặt hàng |
| 2 | Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng | Đặt hàng |
| 3 | Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu), khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải | Đặt hàng |
| 4 | Thông tin duyên hải | Đặt hàng |
| 5 | Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng để đảm bảo độ sâu của luồng theo chuẩn tắc thiết kế | Đấu thầu |
| 6 | Bảo trì, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải | Đấu thầu |
| 7 | Tìm kiếm, cứu nạn hàng hải | Giao nhiệm vụ |
| 8 | Xử lý, truyền phát thông tin an ninh hàng hải | Giao nhiệm vụ |
| 9 | Thanh thải vật chướng ngại ảnh hưởng đến an toàn hàng hải (vật chướng ngại tự nhiên hoặc vật chướng ngại không xác định được tổ chức, cá nhân gây ra) | Đấu thầu/Giao nhiệm vụ  (Giao nhiệm vụ trong trường hợp cần giải phóng nhanh chướng ngại vật gây ách tắc luồng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cảng) |
| 10 | Vận hành, bảo trì hệ thống VTS | Đấu thầu |
| 11 | Các dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải khác theo quy định của pháp luật | Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu |
| 12 | Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải | Đặt hàng |